TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày: 04/5/2018
V/v: *"Tranh chấp Đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Ngô Hoàng Nguyễn
2. Ông Nguyễn Ngọc Thi
Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39,40,41/2018/TLST-DS cùng ngày 07 tháng 02 năm 2018, về *"Tranh chấp Đòi tài sản"* theo Quyết định nhập vụ án số: 03/2018/QĐST-DS ngày 28/02/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2018/QĐXXST-DS ngày 02/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:**
1/ Bà Trần Thị S, sinh năm: 1965 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
2/ Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1964 (có mặt).
3/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1961 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị Đơn:
1/ Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1985 (vắng mặt).
2/ Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm: 1985 (vắng mặt).
Anh Nguyễn Tấn Đ và chị Phạm Thị Kim H là vợ chồng. Cùng có nơi cư trú cuối cùng: ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề cùng ngày 24/01/2018 của các nguyên đơn bà Trần Thị S, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bản tự khai của các nguyên đơn đề cùng ngày 16/3/2018 cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/3/2013 bà Trần Thị S có cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ và chị Phạm Thị Kim H vay số tiền là 154.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hẹn 10 ngày sau sẽ trả lại cho bà nên không có tính lãi, anh Đ và chị H có viết giấy mượn

tiền và bà đã cung cấp cho Tòa án. Nhưng đến hạn 10 ngày tức ngày 10/4/2013 anh Đ và chị H không trả vốn cho bà. Sau đó, anh Đ và chị H xin trả dần nợ mỗi tháng là 5.000.000 đồng, bà cũng đồng ý nhưng anh Đ và chị H chỉ trả được 24.000.000 đồng thì ngưng không trả vốn cho bà nữa. Nay bà S yêu cầu vợ chồng anh Đ và chị H phải liên đới trả tài sản cho bà số tiền là 130.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2013 bà Phạm Thị L có đứng tên mua dùm anh Nguyễn Tấn Đ 01 chiếc xe máy hiệu Nouvo loại Yamaha với giá 37.500.000 đồng tại cửa hàng xe Chín Hải tại xã Long Hòa, hình thức mua trả góp. Anh Đ có đưa cho bà L số tiền 14.000.000 đồng để bà trả trước, còn nợ lại 23.500.000 đồng. Anh Đ nhờ bà đứng ra vay vốn của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh (VP Bank) thông qua hình thức dịch vụ tín dụng tiêu dùng, thời hạn vay là 24 tháng và bà cũng đồng ý. Sau khi vay vốn tại Ngân hàng VP Bank thì anh Đ có ký giấy cam kết hứa trả góp cho Ngân hàng VP Bank thay bà nhưng anh Đ chỉ trả góp tiếp được 05 tháng thì không góp nữa mà vợ chồng Đ, H đã bỏ đi khỏi địa phương. Do bà đứng tên vay nên bà phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng VP Bank và bà đã trả góp xong số tiền cả vốn lẫn lãi là 29.562.000 đồng, có biên nhận thu tiền và xác nhận của ngân hàng VP Bank và bà đã cung cấp cho Tòa án. Nay bà L yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H phải liên đới trả tài sản cho bà số tiền là 29.562.000 đồng.

Ngày 31/01/2013 bà Đ có cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ và chị Phạm Thị Kim H vay 03 chỉ 06 phân vàng 18k. Ngày 16/02/2013 anh Đ, chị H vay tiếp 03 chỉ vàng 18k và 01 chỉ vàng 9999. Ngày 10/9/2013 bà Đ có đứng tên chơi hụi dùm cho vợ chồng anh Đ, chị H 03 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng. Khi vào hụi thì hốt đầu cả 03 dây hụi được 42.000.000 đồng và số tiền này bà đã giao cho anh Đ, chị H vào ngày 20/9/2013. Sau đó, anh Đ, chị H không đóng hụi chết cho chủ hụi, do bà đứng tên chơi hụi nên bà phải đóng hụi chết hàng tháng. Anh Đ có viết giấy vay vàng và nhờ bà chơi hụi dùm và chứng cứ này bà đã nộp cho Tòa án. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H liên đới trả tài sản cho bà là 06 chỉ 06 phân vàng 18k, 01 chỉ vàng 9999 và số tiền 42.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S, bà L, bà Đ có đăng báo về thông báo của Tòa án trên Báo Công lý để vợ chồng Đ, H biết mà đến Tòa án giải quyết, chi phí đăng báo số tiền là 2.500.000 đồng (Trong đó, bà S tự nguyện chịu 1.300.000đồng, bà L tự nguyện chịu 500.000 đồng, bà Đ tự nguyện chịu 700.000đồng).

Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Phạm Thị Kim H đã được Tòa án tống Đ hợp L Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Phạm Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp L đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng anh Đ, chị H.

Bà Trần Thị S, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu đòi tài sản đối với vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Phạm Thị Kim H là quan hệ pháp luật về tranh chấp đòi tài sản được pháp luật quy định tại các Điều 26, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Đối với bà Trần Thị S yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H liên đới trả tài sản cho bà S số tiền là 130.000.000 đồng và có cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền do anh Đ, chị H viết và ký tên. Bà Phạm Thị L yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H liên đới trả tài sản cho bà L số tiền là 29.562.000 đồng và có cung cấp chứng cứ là biên nhận thu tiền và xác nhận của ngân hàng VPBank. Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H liên đới trả tài sản cho bà số tiền 42.000.000đồng, 06 chỉ 06 phân vàng 18k và 01 chỉ vàng 9999 và bà Đ có cung cấp chứng cứ giấy vay vàng và anh Đ nhờ bà chơi hụi dùm do anh Đ viết và ký tên. Vợ chồng anh Đ và chị H đã được Tòa án tống Đ hợp L Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ mà các nguyên đơn đã cung cấp nên yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với vợ chồng anh Đ, chị H là có căn cứ chấp nhận và cần buộc vợ chồng anh Đ, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà S số tiền 130.000.000 đồng; trả cho bà L số 29.562.000 đồng; trả cho bà Đ số tiền là 42.000.000 đồng, 06 chỉ 06 phân vàng 18k và 01 chỉ vàng 9999.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Vợ chồng anh Đ, chị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà S, bà L, bà Đ.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí đăng báo của bà S, bà L, bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các Điều 26, 35, 36, 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ các Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị Đ đối với vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Phạm Thị Kim H về việc "tranh chấp đòi tài sản".

1. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Phạm Thị Kim H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị S số tiền 130.000.000 đồng; trả cho bà Phạm Thị L số 29.562.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 42.000.000 đồng, 06 chỉ 06 phân vàng 18k và 01 chỉ vàng 9999.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ và chị Phạm Thị Kim H phải liên đới nộp 11.176.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị S được hoàn lại 3.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000779 (Biên lai ghi tên Nguyễn Thị S); Bà Phạm Thị L được hoàn lại 953.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000778; Bà Nguyễn Thị Đ được hoàn lại 1.470.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000777 cùng ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị S, bà Phạm Thị L , bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu chi phí đăng báo là 2.500.000đồng (trong đó, bà S phải chịu 1.300.000đồng, bà L phải chịu 500.000 đồng, bà Đ phải chịu 700.000 đồng) và đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp L bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út